TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST Ngày: 14/6/2024 *"V/v ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng

Bà Trần Thị Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: "Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Nhật T; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hiện đang chấp hành án tại Đội 2, P, trại giam Đ, Bộ C1; Địa chỉ: Huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H *trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố B vào ngày 24/12/2009.

Sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn thì đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông T đánh đập, bạo lực cả về tinh thần và thế xác của bà H, từ năm 2011 cho tới nay thì vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, khoảng năm 2021 ông T chấp hành án tại Trại giam Đ, Bộ C1. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Nhật T.

Về con chung: Bà H và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Vũ Nhật T *trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố B vào ngày 24/12/2009.

Sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn thì đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, năm 2021 ông T chấp hành án tại Trại giam Đ, Bộ C1. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên ông T chấp nhận ly hôn với bà H.

Về con chung: Bà H và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Nhật T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Vũ Nhật T; cư trú tại Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, Đắk Lắk, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, Bộ C1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án " Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B vào ngày 24/12/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Vũ Nhật T đều thừa nhận trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, ông T đã chấp hành án từ năm 2021 cho tới nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà H yêu cầu được ly hôn ông T, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì quá trình sống chung bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T không có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia dình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Vũ Nhật T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T không có con chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Vũ Nhật T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Huỳnh Thị Thanh C đã nộp thay cho Nguyễn Thị H theo biên lai thu số AA/2023/0009623 ngày 15/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường Khánh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

?(đã ký)

Lê Đình Thanh